

Phần A. LÝ THUYẾT

I. VĂN MINH ĐẠI VIỆT

1. Khái niệm và cơ sở hình thành

a. Khái niệm văn minh Đại Việt

- Văn minh Đại Việt là những sáng tạo vật chất và tinh thần tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt, kéo dài gần một ngàn năm (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX).

b. Cơ sở hình thành

- Kế thừa những thành tựu chủ yếu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- Hình thành và phát triển trên cơ sở xây dựng và phát triển quốc gia Đại Việt.
- Ảnh hưởng nhiều giá trị văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Chăm-pa...

2. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Chính trị

- Xây dựng và tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng kiện toàn và hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.
- Nho giáo là tư tưởng chính của chế độ chuyên chế, bên cạnh là nêu cao tinh thần "Tam giáo đồng nguyên".
- Luật pháp được dần hoàn thiện: năm 1002 nhà Tiền Lê định luật lệ, năm 1042 nhà Lý ban hành bộ *Hình thư*, nhà Trần có bộ *Hoàng triều đại điển* và bộ *Hình luật*, nhà Lê Sơ có bộ *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức), nhà Nguyễn có bộ *Hoàng Việt luật lệ* (Luật Gia Long).

b. Kinh tế

*** Nông nghiệp**

- Trồng lúa nước là ngành kinh tế chủ đạo, dùng cày sắt, sức kéo của trâu bò, thâm canh...
- Ngoài ra còn trồng nhiều cây khác: khoai, sắn, ngô, kê, đậu ...,
- Công cuộc khai khẩn đất hoang cũng được chú trọng.

*** Thủ công nghiệp**

- Nghề thủ công cổ truyền tiếp tục phát triển: dệt, đúc đồng...
- Xuất hiện nhiều nghề mới và làng, phường thủ công chuyên nghiệp; xuất khẩu sang các nước.
- Thành tựu: An Nam tứ đại khí, tàu thủy chạy bằng máy hơi nước.

*** Thương nghiệp**

- Chợ địa phương và phố buôn bán ra đời, kinh đô Thăng Long là trung tâm buôn bán sầm uất.
- Ở các đô thị, hải cảng việc buôn bán, trao đổi hàng hoá với các nước trên thế giới được mở rộng, tạo sự phồn thịnh cho quốc gia Đại Việt.

c. Về tư tưởng, tôn giáo

*** Tư tưởng yêu nước thương dân**

- Tư tưởng yêu nước thương dân phát triển theo hai xu hướng: Dân tộc (đề cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc) và Thân dân (đề cao vai trò, sức mạnh của nhân dân).

** Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Hùng Vương*

- Tiếp tục phát triển: xây lăng miếu, đền đài thờ tổ tiên, các anh hùng,.. tạo nên tinh thần cởi mở, hòa đồng tôn giáo của người Việt.

** Phật giáo*

- Phát triển mạnh và trở thành quốc giáo thời Lý - Trần.

- Thế kỉ XV, Phật giáo mất vai trò quan trọng, nhưng vẫn đồng hành cùng dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước.

** Đạo giáo*

- Phổ biến trong dân gian và được các triều đại phong kiến coi trọng.

** Nho giáo*

- Phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử.

- Từ thế kỉ XV, Nho giáo giữ địa vị độc tôn, là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị.

** Hồi giáo, Công giáo*

Từ thế kỉ XV- XVI, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo du nhập vào Đại Việt.

d. Giáo dục, chữ viết và văn học

** Giáo dục*

- Năm 1075, nhà Lý mở khoa thi đầu tiên, 1076 xây dựng Quốc Tử Giám.

- Năm 1247, nhà Trần tổ chức thi Tam khôi đầu tiên, năm 1374 Hồ Quý Ly cải cách phép thi

- Thời Lê Sơ giáo dục, thi cử ngày càng quy củ, là phương thức chủ yếu để tuyển chọn quan lại.

- Thế kỉ XVI-XIX, giáo dục Nho học tiếp tục đóng vai trò chủ yếu đào tạo quan lại và nâng cao dân trí.

** Chữ viết*

- Tiếp thu chữ Hán, sáng tạo ra chữ Nôm.

- Thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ ra đời phát triển hoàn thiện trở thành chữ viết Việt Nam.

** Văn học*

- Văn học chữ Hán: chủ yếu là thơ, hịch, phú, văn xuôi tự sự, tiểu thuyết chương hồi..thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

- Văn học chữ Nôm: xuất hiện từ thế kỉ XIII, phát triển mạnh vào thế kỉ XVI - XIX. - Văn học dân gian: tiếp tục phát triển ở thế kỉ XVI – XVIII, những tri thức được đúc kết dưới dạng ca dao, tục ngữ...

e. Khoa học

** Sử học*

- Nhà Trần lập *Quốc sử viện*, nhà Nguyễn lập *Quốc sử quán*.

- Nhiều bộ sử được biên soạn: *Đại Việt sử kí*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Đại Việt thông sử*, *Đại Nam thực lục*...

** Địa lí học* : Những công trình tiêu biểu như: *Dư địa chí*, *Hồng Đức bản đồ*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Gia Định thành thông chí* ...

** Toán học* :Có các tác phẩm tiêu biểu: *Lập thành toán pháp*, *Toán pháp đại thành*, *Khải minh toán học*...

** Khoa học quân sự*

- Nhà Hồ chế tạo súng thần cơ. Nhà Tây Sơn là đại pháo, hoả pháo. Nhà Nguyễn xây dựng thành quách.

- Nhiều tư tưởng và nghệ thuật quân sự đặc sắc.

* *Y học*: Nhiều danh y và nhiều tác phẩm giá trị: Tuệ Tĩnh, Lê Hữu Trác, Chu Văn An..

g. Nghệ thuật

* *Âm nhạc*

- Âm nhạc dân gian có sức sống mạnh mẽ, phong phú về thể loại (dân ca, hò, vè, tuồng, chèo...)

- Âm nhạc cung đình phát triển từ thời Lý-Trần, đến thời Lê, nhà Nguyễn, nhã nhạc cung đình trở thành thiết yếu của nghi lễ cung đình.

- Âm nhạc Đại Việt gắn liền với các lễ hội (giỗ Tổ Hùng vương, hội Gióng, tết Nguyên đán...) trở thành truyền thống chung của cộng đồng các dân tộc.

* *Kiến trúc và điêu khắc*

- Kiến trúc phát triển mạnh thời Lý - Trần; thời Lê sơ xây dựng cung điện, thành quách, chùa tháp...

- Điêu khắc trên đá, gỗ, gốm rất độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc. Nghệ thuật tạc tượng từ thế kỉ XVIII đạt trình độ điêu luyện.

3. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam

- Văn minh Đại Việt thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện, độc đáo...khẳng định bản sắc của một dân tộc, một quốc gia văn hiến, văn minh.

- Văn minh Đại Việt tạo nên sức mạnh để kháng chiến chống ngoại xâm, giành thắng lợi và là nền tảng để đạt nhiều thành tựu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Văn minh Đại Việt là cội nguồn của văn minh Việt Nam hiện đại.

II. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

1. Thành phần dân tộc theo dân số

- Việt Nam hiện có 54 dân tộc, phân bố trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

- Dân tộc Kinh có số lượng đông nhất chiếm 85,32% dân số cả nước.

- Các dân tộc còn lại chiếm 14,68% dân số với nhiều nhóm nhỏ.

2. Thành phần dân tộc theo ngữ hệ

- Ngữ hệ (hệ ngôn ngữ) là nhóm các ngôn ngữ có cùng nguồn gốc, có những điểm tương đồng về ngữ âm, thanh điệu, cú pháp và vốn từ vị cơ bản.

- Các dân tộc ở Việt Nam thuộc 5 ngữ hệ: Nam Á, Nam Đảo, Mông-Dao, Thái- Ka-đai và Hán-Tạng

3. Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

a. Đời sống vật chất

* *Hoạt động kinh tế*

+ *Kinh tế nông nghiệp*

- Do địa hình, điều kiện tự nhiên khác biệt nên sản xuất của các dân tộc khác nhau.

- Người Kinh sống tập trung ở đồng bằng chủ yếu làm lúa nước và chăn nuôi, các dân tộc thiểu số chủ yếu phát triển kinh tế nương rẫy kết hợp chăn nuôi.

+ *Thủ công nghiệp*

- Người Kinh đa dạng về ngành nghề, cộng đồng các dân tộc thiểu số duy trì các nghề truyền thống gắn với nhu cầu và bản sắc riêng mỗi cộng đồng.

* *Ấm thực, nhà ở và trang phục*

+ *Ẩm thực*

- Ẩm thực người Kinh gắn với đời sống kinh tế nông nghiệp, bữa ăn chính là cơm, canh, rau, cá, thịt..

- Ẩm thực các dân tộc thiểu số thiên về các món nướng, hấp, bữa ăn chính được chế biến từ gạo nếp, ngô, bên cạnh là sự phong phú các đồ uống (rượu cần, rượu ngô...)

+ *Nhà ở*

- Người Kinh thường sống ở nhà trệt 3 gian, 5 gian truyền thống có sân rộng phía trước và khuôn viên vườn cây, ao cá xung quanh.

- Nhà sàn, nhà trình tường, nhà nửa sàn, nửa đất... đặc trưng cho các dân tộc Tây Bắc - Đông Bắc bộ.

- Nhà sàn, nhà rông, nhà dài.... đặc trưng cho các dân tộc vùng Trường Sơn- Tây Nguyên

+ *Trang phục*

- Mỗi dân tộc đều có những trang phục riêng, phản ánh điều kiện sống cũng như óc thẩm mỹ từng cộng đồng.

+ *Phương tiện đi lại và vận chuyển*

- Rất đa dạng: từ đi bộ, xe kéo, ngựa thồ thuyền bè, ghe xuồng... đến các phương tiện giao thông hiện đại như xe máy, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, máy bay...

b. Đời sống tinh thần

* *Tín ngưỡng, tôn giáo*

- Tín ngưỡng dân gian: thờ cúng Trời, đất, tổ tiên, các vị thần linh, anh hùng dân tộc

- Một số tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo.

* *Phong tục, tập quán, lễ hội*

- Phong tục, tập quán gắn liền với đời người, như: Sinh đẻ, cưới hỏi, làm nhà, ma chay

→ tạo nên nét văn hoá đặc trưng của mỗi dân tộc.

- Lễ hội có vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của các dân tộc,

- Âm nhạc, văn học, dân ca, các điệu múa, trò chơi dân gian chứa đựng nhiều giá trị văn hóa rất đặc sắc, góp phần làm giàu kho tàng văn hoá Việt Nam.

III. KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VIỆT NAM

1 Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

a. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

- Khối đại đoàn kết dân tộc được hình thành từ 2 cơ sở:

+ Xuất phát từ nhu cầu thủy lợi và trị thủy, phát triển nông nghiệp, đấu tranh chống ngoại xâm.

+ Nhà nước Việt Nam qua các thời kì cũng thực hiện nhiều chính sách để xây dựng mối quan hệ hữu nghị, tình thân đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc.

b. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước

- Xây dựng đất nước: khai phá đất đai, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, sáng tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần.

- Chống ngoại xâm: các dân tộc Việt Nam đã chung vai sát cánh trong các cuộc đấu tranh chống lại sự xâm lược và thống trị của ngoại bang.

c Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- Tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho việc phát triển kinh tế, văn hóa.

- Là nguồn sức mạnh để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. - Góp phần hình thành lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc.

2 Chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước hiện nay

a. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc

- Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc là hết sức coi trọng.
- Trên các nguyên tắc cơ bản là: Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau.

b. Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

- Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi.
- Các chính sách về phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế.
- Các chính sách về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc.

PHẦN B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MINH HOẠ

Câu 1: Văn minh Đại Việt là những sáng tạo vật chất và tinh thần của cộng đồng dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam thời kì nào sau đây?

- A. Thời kì Bắc thuộc
- B. Thời kì phong kiến độc lập (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX).
- C. Từ đầu Công nguyên đến giữa thế kỉ XIX.
- D. Từ khi nhà nước đầu tiên xuất hiện đến giữa thế kỉ XIX.

Câu 2: Một trong những cơ sở hình thành văn minh Đại Việt là

- A. quá trình áp đặt về kinh tế lên các quốc gia láng giềng.
- B. quá trình xâm lược và bành trướng lãnh thổ ra bên ngoài.
- C. sự tiếp thu hoàn toàn những thành tựu văn minh Hy Lạp cổ đại.
- D. sự kế thừa những thành tựu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

Câu 3: “Tam giáo đồng nguyên” là sự kết hợp hài hoà giữa các tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

- A. Nho giáo – Phật giáo – Đạo giáo.
- B. Nho giáo – Phật giáo – Công giáo.
- C. Phật giáo – Ấn Độ giáo – Công giáo.
- D. Phật giáo – Bà La Môn giáo – Nho giáo.

Câu 4: Các triều đại phong kiến ở Việt Nam đều theo thể chế chính trị nào sau đây?

- A. Quân chủ chuyên chế.
- B. Quân chủ lập hiến.
- C. Dân chủ chủ nô.
- D. Dân chủ đại nghị.

Câu 5: Tư tưởng yêu nước thương dân của người Việt phát triển theo hai xu hướng nào?

- A. Dân tộc và dân chủ.
- B. Bình đẳng và văn minh.
- C. Dân tộc và thân dân.
- D. Dân chủ và bình đẳng.

Câu 6: Phật giáo trở thành quốc giáo ở Việt Nam dưới thời nào?

- A. Ngô - Đinh - Tiền Lê.
- B. Lý - Trần.
- C. Lê sơ - Lê trung hưng.
- D. Tây Sơn - Nguyễn.

Câu 7: Đề khuyến khích nghề nông phát triển các triều đại phong kiến thực hiện nghi lễ nào sau đây?

- A. Lễ Tịch điền.
- B. Lễ cúng cơm mới.
- C. Lễ cầu mùa.
- D. Lễ đâm trâu.

Câu 8: Từ thời Lê sơ, tôn giáo nào sau đây giữ địa vị độc tôn ở nước ta?

- A. Phật giáo.
- B. Đạo giáo.
- C. Nho giáo.
- D. Công giáo.

Câu 9: Trên cơ sở chữ Hán, người Việt đã sáng tạo ra loại chữ viết nào?

- A. Chữ Phạn.
- B. Chữ Nôm.
- C. Chữ La-tinh.
- D. Chữ Quốc ngữ.

Câu 10: Văn học Đại Việt trong các thế kỉ X - XV **không** bao gồm thể loại nào sau đây?

- A. Văn học dân gian.
- B. Văn học chữ Nôm.
- C. Văn học chữ Phạn.
- D. Văn học chữ Hán.

Câu 11: Chữ Quốc ngữ ra đời xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

A. Truyền đạo. B. Giáo dục. C. Sáng tác văn học. D. Sử dụng trong cung đình.

Câu 12: Tên bộ luật thành văn đầu tiên của văn minh Đại Việt là

A. Hình Luật. B. Hình thư. C. Hồng Đức. D. Gia Long.

Câu 13: Nội dung nào sau đây là **đúng** về văn minh Đại Việt?

A. Chỉ tiếp thu văn minh Trung Hoa.
B. Tiếp thu văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây...
C. Không tiếp thu văn minh phương Tây
D. Chỉ tiếp thu văn minh Đông Nam Á và Trung Hoa.

Câu 14: Các bia đá được dựng ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) thể hiện chính sách nào của Vương triều Lê sơ?

A. Đề cao giáo dục, khoa cử.
B. Coi trọng nghề thủ công chạm khắc.
C. Phát triển các loại hình văn hoá dân gian.
D. Quan tâm đến biên soạn lịch sử.

Câu 15: Sự ra đời của văn học chữ Nôm là một biểu hiện của

A. sự sáng tạo, tiếp biến văn hoá của người Việt Nam.
B. ảnh hưởng của quá trình truyền bá đạo Công giáo đến Việt Nam.
C. sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý – Trần.
D. ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến Việt Nam trên phương diện ngôn ngữ.

Câu 16: Đến thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ được hình thành từ việc sử dụng và cải biến

A. chữ Phạn của Ấn Độ. B. chữ Hán của Trung Quốc.
C. bảng chữ cái La-tinh. D. chữ hình nôm của Lưỡng Hà.

Câu 17: Trong các thế kỉ từ XV - XVI, các tôn giáo nào được du nhập vào Đại Việt?

A. Nho giáo, Đạo giáo. B. Hồi giáo, Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo, Nho giáo. D. Phật giáo, Hin-đu giáo.

Câu 18: Văn minh Đại Việt có nguồn gốc từ nền văn minh nào?

A. Văn minh Chăm-pa. B. Văn minh Phù Nam.
C. Văn minh Trung Hoa. D. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

Câu 19: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng chính sách phát triển nông nghiệp của các triều đại phong kiến Việt Nam?

A. Chú trọng khai hoang mở rộng diện tích canh tác.
B. Đặt chức Hà đê sứ để chăm lo việc đê điều, trị thủy.
C. Tổ chức lễ Tịch điền để khuyến khích sản xuất.
D. Xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất trong cả nước.

Câu 20: Các vua thời Tiền Lê, Lý hằng năm tổ chức “lễ Tịch điền” nhằm mục đích gì?

A. Khuyến khích sản xuất nông nghiệp.
B. Khuyến khích khai khẩn đất hoang.
C. Khuyến khích bảo vệ, tôn tại đê điều.
D. Khuyến khích sản xuất nông, lâm nghiệp.

Câu 21: Vì sao Nho giáo sớm trở thành hệ tư tưởng của chế độ phong kiến ở Đại Việt?

A. Được phổ biến rộng rãi trong nhân dân.
B. Góp phần củng cố quyền lực của giai cấp thống trị.
C. Chung sống hòa bình với các tín ngưỡng dân gian.
D. Nội dung dễ tiếp thu, nhân dân dễ tiếp cận.

Câu 22: Từ chính sách giáo dục Nho học của Đại Việt có thể rút ra được bài học kinh nghiệm gì cho nền giáo dục Việt Nam hiện nay?

A. Phát triển giáo dục khoa học xã hội. B. Phát triển giáo dục khoa học tự nhiên.
C. Phải duy trì nền giáo dục khoa học. D. Xây dựng nền giáo dục toàn diện.

Câu 23: Đặc trưng nào sau đây là của văn minh Đại Việt?

- A. Văn hóa làng xã.
C. Văn hóa thủ công.

- B. Văn hóa thành thị.
D. Văn hóa thành bang.

Câu 24. Truyện cổ tích Tấm Cám thuộc thể loại văn học nào?

- A. Văn học chữ Hán
B. Văn học chữ Nôm
C. Văn học dân gian
D. Văn học truyền miệng

Câu 25. “*Những kẻ ăn trộm trâu của công thì xử 100 trượng, 1 con phạt thành 2 con*”.

(Trích *Chiếu của vua Lý Thánh Tông* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội)
Đoạn trích trên thể hiện chính sách nào của Vương triều Lý?

- A. Quan tâm bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.
B. Nhà nước độc quyền trong chăn nuôi trâu bò.
C. Bảo vệ nguồn nguyên liệu cho nghề thủ công.
D. Bảo vệ trâu bò cho các gia đình nghèo.

Câu 26. Hiện nay Việt Nam có bao nhiêu dân tộc – tộc người?

- A. 50 B. 52 C. 54 D. 56

Câu 27. Dân tộc nào là dân tộc chiếm đa số ở Việt Nam?

- A. Kinh. B. Tày. C. Thái. D. Mường.

Câu 28. Địa bàn cư trú chủ yếu của người Kinh ở đâu?

- A. Phân bố đều trên khắp cả nước.
B. Vùng đồng bằng.
C. Vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.
D. Vùng đồng bằng và trung du.

Câu 29. Các lễ hội của các dân tộc ở Việt Nam thường gắn liền với những hoạt động sản xuất nào?

- A. Công nghiệp. B. Thương nghiệp C. Nông nghiệp. D. Thủ công nghiệp

Câu 30. Các dân tộc ở Việt Nam phổ biến hình thức cư trú

- A. Xen kẽ. B. Vừa tập trung vừa xen kẽ.
C. Tập trung. D. Tập trung khá phổ biến

Câu 31. Tiếng Việt thuộc nhóm ngôn ngữ nào?

- A. Môn - Khmer B. Thái - Ka-đai C. Nam Đảo D. Việt – Mường.

Câu 32. Căn cứ vào các tiêu chí nào để phân chia các dân tộc - tộc người ở Việt Nam?

- A. Theo dân số và địa bàn phân bố. B. Theo dân số và theo ngữ hệ.
C. Theo ngữ hệ và địa bàn phân bố D. Theo ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ.

Câu 33. Tín ngưỡng quan trọng nhất của người Kinh là

- A. tín ngưỡng phồn thực. B. thờ các thần tự nhiên.
C. thờ tổ nghề. D. thờ cúng tổ tiên.

Câu 34. Các dân tộc ở Việt Nam được phân chia thành bao nhiêu ngữ hệ?

- A. 54 ngữ hệ. B. 5 ngữ hệ. C. 8 ngữ hệ D. 10 ngữ hệ.

Câu 35. Nhà ở truyền thống của người Kinh là loại nhà nào?

- A. Nhà trệt. B. Nhà sàn.
C. Nhà nửa sàn, nửa trệt. D. Nhà nhiều tầng.

Câu 36. Kiểu nhà phổ biến của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là

- A. nhà sàn. B. nhà trệt. C. nhà mái bằng. D. nhà cấp 4.

Câu 37. Trước đây, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu làm nương rẫy theo hình thức

- A. xen canh. B. luân canh. C. du canh. D. định canh.

Câu 38. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** hoạt động sản xuất của hầu hết các dân tộc Việt Nam?

- A. Thương nghiệp đường biển là ngành kinh tế chính
B. Nông nghiệp có vai trò hỗ trợ cho thủ công nghiệp
C. Kết hợp trồng trọt với chăn nuôi gia súc, gia cầm
D. Chăn nuôi gia súc, gia cầm là ngành kinh tế chủ đạo

Câu 39. Nhận định nào sau đây **không** đúng về trang phục của các dân tộc Việt Nam?

- A. Chủ yếu vay mượn từ bên ngoài B. Phong phú về hoa văn trang trí
C. Đa dạng về kiểu dáng, màu sắc D. Thể hiện tập quán của mỗi dân tộc

- Câu 40.** Ngôn ngữ chính thức của nhà nước Việt Nam hiện nay và là phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc là
- A. Tiếng Nôm. B. Tiếng Việt. C. Tiếng Thái. D. Tiếng Anh.
- Câu 41.** Các lễ hội gắn với nông nghiệp thường có mục đích gì?
- A. Bày tỏ lòng biết ơn sự che chở và phù hộ của thần linh với cộng đồng.
 B. Bày tỏ lòng biết ơn sự che chở và phù hộ của tổ tiên với gia tộc.
 C. Giữ gìn và truyền thừa bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc.
 D. Gửi gắm ước mong về một cuộc sống tốt đẹp, mùa màng bội thu.
- Câu 42.** Hoạt động sản xuất thủ công nghiệp của người Kinh có **điểm gì khác** so với các dân tộc thiểu số?
- A. Người Kinh làm nhiều nghề thủ công khác nhau.
 B. Nghề gốm, nghề rèn, đúc ra đời sớm nhưng ít phổ biến.
 C. Tạo ra sản phẩm của các ngành nghề rất tinh xảo.
 D. Sản phẩm rất đa dạng, nhiều sản phẩm được xuất khẩu với giá trị cao.
- Câu 43.** Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường thuộc ngữ hệ nào sau đây?
- A. Nam Á B. Nam Đảo C. Thái - Ka-đai D. Hán - Tạng
- Câu 44.** **Điểm khác** trong trang phục của các dân tộc thiểu số so với dân tộc Kinh là gì?
- A. Được may bằng nhiều loại vải có chất liệu tự nhiên.
 B. Trang phục thường có hoa văn trang trí sắc sảo.
 C. Trang phục chủ yếu là áo và quần váy.
 D. Ưa thích dùng đồ trang sức.
- Câu 45.** Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phát triển đa dạng ngành nghề nào?
- A. Nghề nông trồng lúa. B. Nghề chăn nuôi.
 C. Ngành nghề thủ công. D. Nghề đánh bắt thủy, hải sản.
- Câu 46.** Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là
- A. đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.
 B. sách lược quan trọng cần được vận dụng linh hoạt trong từng bối cảnh cụ thể.
 C. yếu tố góp phần vào sự thành công của cách mạng.
 D. công việc cần phải quan tâm chú ý.
- Câu 47.** Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ bao giờ?
- A. Từ thời kì đầu dựng nước Văn Lang – Âu Lạc
 B. Trong cuộc đấu tranh hàng nghìn năm chống phong kiến phương Bắc.
 C. Trong kỉ nguyên phong kiến độc lập, từ thời Đinh đến thời Nguyễn.
 D. Trong phong trào đấu tranh chống ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Câu 48.** Khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào đối với công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?
- A. Không đóng góp nhiều cho sự nghiệp chống ngoại xâm
 B. Là nhân tố thứ yếu, góp phần dẫn đến thành công
 C. Nhân tố duy nhất quyết định sự thành công
 D. Là nhân tố quan trọng quyết định đến sự thắng lợi
- Câu 49.** Truyền thuyết nào là minh chứng về khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ thuở bình minh lịch sử?
- A. Nữ Oa vá trời B. Con Rồng cháu Tiên
 C. Thành Gióng D. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- Câu 50.** Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng
- A. Được củng cố, mở rộng, phát triển B. Trở nên rời rạc, thiếu gắn kết
 C. Tan hoang, không một ai biết đến đoàn kết là gì D. Phát triển, gắn kết
- Câu 51.** Tổ chức nào sau đây có vai trò to lớn trong việc củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. Hội văn hoá cứu quốc.
C. Mặt trận tổ quốc Việt Nam. D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

Câu 52. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là ngày nào?

- A. 23/06 B. 30/04 C. 02/09 D. 18/11

Câu 53. Ba nguyên tắc phát triển khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng là gì?

- A. Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.
B. Đoàn kết, Thương yêu và Hăng hái.
C. Đoàn kết, Gắn bó và Yêu nhau sâu đậm.
D. Đoàn kết, Bình đẳng và Tương trợ nhau cùng phát triển.

Câu 54. Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là gì?

- A. Tính tổng thể. B. Tính toàn diện.
C. Có trọng điểm. D. Tính hài hoà.

Câu 55. Nội dung nào sau đây là một trong những biểu hiện về tinh thần đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong lịch sử?

- A. Chung vai sát cánh trong đấu tranh chống ngoại xâm
B. Tiến hành bành trướng mở rộng lãnh thổ đất nước
C. Xây dựng nền văn hóa mang bản sắc của từng dân tộc
D. Phát triển nền kinh tế đặc trưng của từng dân tộc

Câu 56. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- A. Là nguồn sức mạnh để bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước
B. Là nền tảng để tiến hành liên minh với các dân tộc láng giềng
C. Là cơ sở để xóa bỏ mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam
D. Là cơ sở để mở rộng giao lưu và tiếp thu văn hóa bên ngoài

Câu 57. Trong chính sách dân tộc về kinh tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam có chủ trương nào sau đây?

- A. Xây dựng cơ chế quản lý kinh tế thị trường năng động, linh hoạt
B. Phát triển nền kinh tế nhiều ngành, quy mô, trình độ công nghệ
C. Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế các vùng dân tộc và miền núi
D. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 58. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đem lại ý nghĩa nào sau đây đối với việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam?

- A. Góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam
B. Tạo nên sự đa dạng về văn hóa giữa các dân tộc
C. Góp phần nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc
D. Thúc đẩy kinh tế quốc gia phát triển nhanh và bền vững

Câu 59. Trong chính sách dân tộc về xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam có chủ trương nào sau đây?

- A. tập trung vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.
B. tập trung vùng đồng bào dân tộc Kinh.
C. tập trung vùng đồng bào các dân tộc ở trung du.
D. tập trung vùng đồng bào các dân tộc ở đồng bằng.

Câu 60. Khối đoàn kết dân tộc Việt Nam được hình thành dựa trên cơ sở nào sau đây?

- A. Cùng xây dựng và phát triển đất nước.
B. Bảo vệ những giá trị tốt đẹp của dân tộc Việt.
C. Tập hợp lực lượng chống ngoại xâm.
D. Phát huy ảnh hưởng văn hóa ra bên ngoài.

Hết